

Số: 40/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 13 tháng 12 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về Kế hoạch đầu tư công năm 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**  
**KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 17**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 129/2020/NQ-QH14 ngày 13/11/2020 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/NQ-UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/NQ-UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 29/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 6842/BKHĐT-TH ngày 16/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về phân bổ Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021;



Theo Tờ trình số 8408/TTr-UBND ngày 27/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Hội đồng nhân dân tỉnh; báo cáo tiếp thu giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Về kế hoạch đầu tư công năm 2021**

#### **1. Nguyên tắc chung**

a) Thực hiện các mục tiêu và các định hướng phát triển kinh tế- xã hội 5 năm 2021-2025 và dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội năm 2021; phù hợp với dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Gắn việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2021 với định hướng cơ cấu lại đầu tư công đến năm 2025;

b) Thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước; các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước; Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 29/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và dự toán NSNN năm 2021;

c) Việc phân bổ vốn phải thực hiện theo đúng quy định tại Nghị quyết số 129/2020/NQ-QH14 ngày 13/11/2020 của Quốc hội, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

d) Kế hoạch đầu tư công năm 2021 phải được xây dựng trên cơ sở tiếp tục cơ cấu lại đầu tư nguồn NSNN theo hướng tập trung, khắc phục dàn trải, nâng cao hiệu quả đầu tư.

#### **2. Nguyên tắc, tiêu chí cụ thể**

Việc bố trí vốn ngân sách Nhà nước năm 2021 phải đảm bảo nguyên tắc chung tại mục Khoản 1, Điều 1 Nghị quyết này và thứ tự ưu tiên như sau:

a) Bố trí vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 Điều 101 của Luật đầu tư công;

b) Bố trí vốn để thu hồi số vốn ứng trước nguồn NSTW theo mức vốn thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong đó có toàn bộ số vốn đã ứng trước nguồn NSTW dự kiến thu trong kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 còn lại chưa thu hồi;



c) Bố trí vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành của các dự án đã có trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025;

d) Bố trí đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo tiến độ thực hiện dự án và theo các quyết định được phê duyệt;

đ) Bố trí đủ vốn cho các dự án hoàn thành trong năm 2021 để phát huy hiệu quả đầu tư; bố trí vốn cho các dự án đã quá thời gian quy định của giai đoạn 2016-2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025 để hoàn thành, hạn chế tối đa các dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2022-2025;

e) Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021 theo tiến độ;

g) Bố trí vốn cho nhiệm vụ quy hoạch và chuẩn bị đầu tư;

h) Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, mới bố trí vốn cho các dự án khởi công mới có đủ thủ tục đầu tư tính đến ngày 31/12/2020 theo quy định tại Nghị quyết số 129/2020/NQ-QH14 ngày 13/11/2020 của Quốc hội;

i) Mức vốn bố trí của từng dự án đảm bảo theo cơ cấu nguồn vốn đã được xác định của cấp có thẩm quyền;

k) Đối với vốn nước ngoài: Ưu tiên bố trí dự án kết thúc hiệp định trong năm 2021 không có khả năng gia hạn hiệp định; dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2021; dự án mới đã ký hiệp định; dự án chuẩn bị ký Hiệp định trong năm 2020 và có khả năng giải ngân trong năm 2021. Mức vốn bố trí bảo đảm theo tiến độ đã ký kết với nhà tài trợ, khả năng cân đối nguồn vốn đối ứng, tiến độ giải phóng mặt bằng theo quy định của Luật Đất đai, năng lực của chủ đầu tư và tiến độ thực hiện dự án;

l) Sau khi bố trí hết kế hoạch 2021 tất cả các nguồn vốn, đối với các dự án đã bố trí quá thời gian so với quy định nhưng vẫn còn thiếu vốn, giao các huyện, thành phố, thị xã; các đơn vị tập trung bố trí vốn ngân sách huyện, xã hoặc huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để hoàn thành dự án hoặc rà soát, xác định điểm dừng kỹ thuật phù hợp, đảm bảo hoàn thành đưa hạng mục của dự án vào sử dụng, phát huy hiệu quả phân vốn đầu tư.

### 3. Nguồn vốn kế hoạch đầu tư công năm 2021

a) Nguồn ngân sách Trung ương: 2.166.065 triệu đồng, bao gồm:

- Nguồn ngân sách trung ương vốn trong nước: 1.534.715 triệu đồng. Đầu tư các ngành, lĩnh vực theo Nghị quyết số 973/2020/NQ-QH14 là 1.534.715 triệu đồng, trong đó: Đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa



thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững: 470.000 triệu đồng; Thu hồi các khoản vốn ứng trước: 202.286 triệu đồng.

- Vốn nước ngoài: 631.350 triệu đồng.

b) Nguồn cân đối ngân sách địa phương: 4.343.880 triệu đồng, gồm:

- Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức: 1.276.880 triệu đồng;

- Nguồn thu sử dụng đất: 3.000.000 triệu đồng (Trung ương giao 2.350.000 triệu đồng, ngân sách tỉnh giao bổ sung: 650.000 triệu đồng). Trong đó: ngân sách cấp huyện, xã hưởng theo phân cấp: 1.527.500 triệu đồng; phần ngân sách tỉnh hưởng bố trí giải phóng mặt bằng, trả nợ vay, bố trí vốn các dự án vay lại nguồn Chính phủ vay nước ngoài: 1.292.500 triệu đồng, đưa vào đầu tư công tập trung: 180.000 triệu đồng;

- Nguồn thu xổ số kiến thiết: 24.000 triệu đồng;

- Bội chi ngân sách địa phương: 43.000 triệu đồng.

Tổng nguồn vốn đưa vào đầu tư công tập trung năm 2021 là 1.480.880 triệu đồng.

#### 4. Phương án phân bổ

a) Nguồn Ngân sách Trung ương: 2.166.065 triệu đồng

Thông nhất thông qua phương án theo Công văn số 7384/UBND-KT ngày 23/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính. Khi có quyết định giao Kế hoạch 2021 của Thủ tướng Chính phủ, giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh phương án đảm bảo theo đúng quy định và giao chi tiết kế hoạch 2021 cho các chủ đầu tư để triển khai thực hiện. Trường hợp quyết định giao kế hoạch năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ có thay đổi so với phương án dự kiến theo Công văn số 7384/UBND-KT ngày 23/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến theo quy định tại khoản 2 Điều 83 Luật Đầu tư công năm 2019 làm căn cứ để triển khai thực hiện.

b) Nguồn cân đối ngân sách địa phương đầu tư tập trung: 1.480.880 triệu đồng

*(Chi tiết tại biểu phụ lục số 1 kèm theo)*

c) Nguồn thu sử dụng đất phân ngân sách tỉnh hưởng bố trí cho vốn giải phóng mặt bằng, trả nợ vay, lãi vay: 1.292.500 triệu đồng và nguồn bội chi ngân sách địa phương: 43.000 triệu đồng.

*(Giao chi tiết trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2021)*



d) Nguồn thu sử dụng đất phân cấp ngân sách huyện, xã trực tiếp phân bổ: 1.527.500 triệu đồng

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh giao cơ cấu chi giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ (trừ nghiên cứu khoa học công nghệ), trả nợ, đối ứng các dự án sử dụng vốn ODA mà các địa phương đã cam kết, các dự án thuộc chương trình mục tiêu, trái phiếu chính phủ, chương trình mục tiêu quốc gia (nông thôn mới, giảm nghèo bền vững) trên địa bàn huyện, xã để đảm bảo cơ cấu Trung ương giao.

*(Chi tiết tại biểu phụ lục số 2 kèm theo)*

## **Điều 2. Thu hồi và bố trí lại chỉ tiêu vốn Kế hoạch đầu tư công năm 2019 kéo dài sang năm 2020 và Kế hoạch đầu tư công năm 2020**

1. Thu hồi vốn của 71 dự án không giải ngân hết chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 kéo dài sang năm 2020 với số vốn thu hồi là 26.740 triệu đồng.

2. Thu hồi vốn của 10 dự án không giải ngân hết chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 với số vốn thu hồi là 27.882,76 triệu đồng.

3. Phân bổ số vốn đã thu hồi và bố trí cho 09 dự án với số vốn 54.622,76 triệu đồng.

*(Chi tiết tại biểu phụ lục số 3,4 và 5 kèm theo)*

## **Điều 3. Các giải pháp triển khai thực hiện**

1. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Luật Đầu tư công năm 2019 và các Nghị định hướng dẫn Luật. Tăng cường quản lý đầu tư từ nguồn NSNN, khắc phục tình trạng bố trí vốn phân tán, dàn trải:

a) Tổ chức phổ biến, triển khai thực hiện tốt Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;

b) Trong việc phân bổ vốn cho từng dự án cụ thể phải thực hiện theo đúng thứ tự ưu tiên đã được quy định trong Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Bảo đảm bố trí đủ vốn để hoàn thành dự án theo tiến độ đã được quy định tại quyết định đầu tư dự án và quy định tại Luật Đầu tư công;

c) Nâng cao chất lượng công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu, thực hiện đấu thầu qua mạng theo quy định; tăng cường quản lý dự án, quản lý chất lượng và quyết toán dự án hoàn thành. Kiểm soát chặt chẽ quyết định chủ trương đầu tư các dự án sử dụng vốn NSNN; hạn chế tối đa việc điều chỉnh dự án, điều chỉnh tổng mức đầu tư trong quá trình thực hiện, chỉ điều chỉnh dự án theo quy định của Luật Đầu tư công;



d) Tiếp tục cơ cấu lại vốn ngân sách nhà nước; ưu tiên bố trí sử dụng vốn ngân sách nhà nước để hoàn thành và triển khai thực hiện các dự án lớn, các dự án hạ tầng quan trọng của tỉnh. Tập trung xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 phù hợp với khả năng cân đối vốn và đảm bảo theo quy định của pháp luật. Trong đó, chỉ đạo các cấp, các ngành (nhất là huyện, xã) rà soát tình hình nợ đọng của các dự án đầu tư; xây dựng phương án xử lý nợ đọng cụ thể từng dự án, từng địa phương.

2. Tổ chức theo dõi, đôn đốc (chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, nhà thầu) đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân dự án. Kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong triển khai kế hoạch đầu tư công, bảo đảm giải ngân hết 100% kế hoạch vốn đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021, hạn chế việc phải điều chuyển, cắt giảm kế hoạch, ảnh hưởng đến tổng thể kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh.

3. Huy động tối đa các nguồn vốn (nguồn tăng thu, kết dư ngân sách địa phương năm 2020, 2021,...) để bổ sung kế hoạch 2021 nhằm hoàn thành kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025.

4. Mở rộng các hình thức đầu tư, tiếp tục rà soát để đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, thông thoáng, thu hút các nhà đầu tư tham gia đầu tư. Đồng thời, tạo đột phá thu hút vốn đầu tư theo phương thức đối tác công tư; đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa đối với các dịch vụ công cộng, đặc biệt trong các lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, giáo dục đào tạo, văn hóa, thể thao, các công trình dự án cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và sinh hoạt của người dân ở nông thôn; huy động nguồn lực đất đai và tài nguyên cho đầu tư phát triển.

5. Tăng cường công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành và các địa phương trong triển khai thực hiện. Chú trọng công tác theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công và thực hiện các chương trình, dự án đầu tư cụ thể. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công định kỳ hoặc đột xuất theo chế độ báo cáo quy định; trong đó, phải đánh giá kết quả thực hiện, những tồn tại, hạn chế và đề xuất kiến nghị các cấp có thẩm quyền giải quyết những khó khăn, vướng mắc.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Căn cứ vào danh mục và mức vốn đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết này để giao chi tiết cho các đơn vị triển khai thực hiện kịp thời. Đối với khoản phân bổ sau (quy hoạch, chuẩn bị đầu tư), giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất;



b) Tổ chức thực hiện và chỉ đạo các sở, ban, ngành, các huyện, thành, thị triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp nhằm hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2021 gắn với kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025, tổ chức kiểm tra và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm;

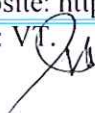
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách, các Ban, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị xã hội tỉnh giám sát và động viên mọi tầng lớp nhân dân thực hiện Nghị quyết này.

### **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khoá XVII, kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày được thông qua. /

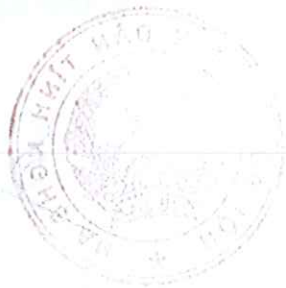
Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (đề b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính (đề b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT. 



**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Xuân Sơn**







**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - tự do - hạnh phúc

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 2021 NGUỒN CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

(Phụ lục kèm theo Nghị Quyết số 40/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
			Số quyết định	TMDT Tổng tất cả các nguồn vốn		
I	2	3	4	5	6	8
	<b>Tổng cộng</b>			24.025.770	7.820.085	1.480.880
I	<b>Quốc phòng</b>			40.000	20.000	10.000
	<b>Công trình dự kiến hoàn thành sau 2021</b>			40.000	20.000	10.000
I	Trường bán, thao trường huấn luyện Bộ CHQS tỉnh Nghệ An/Quân khu 4	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	1924/QĐ-TM 4/12/2018	40.000	20.000	10.000
II	<b>An ninh và trật tự, an toàn xã hội</b>			215.316	89.852	22.898
	<b>Công trình dự kiến hoàn thành năm 2021</b>			50.000	26.000	8.298
I	Trụ sở làm việc Đội Cảnh sát chữa cháy và cứu nạn cứu hộ số 4 Phòng PC07 thuộc Công an tỉnh Nghệ An	Công an tỉnh Nghệ An	1854 08/5/2018; 4717 23/10/2018	50.000	26.000	8.298
	<b>Công trình dự kiến hoàn thành sau 2021</b>			165.316	63.852	14.600
I	Trụ sở làm việc Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Nghệ An	Công an tỉnh Nghệ An	253/QĐ-H41-H45 30/10/2015 PDDA	129.674	38.902	10.000
2	Trụ sở làm việc phòng Quản lý xuất nhập cảnh thuộc Công an tỉnh Nghệ An	Công an tỉnh Nghệ An	5065/QĐ-UBND- XD ngày 31/10/2015; 3227/QĐ-UBND 19/8/2019	35.642	24.950	4.600
III	<b>Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>			8.269	5.317	917
	<b>Công trình dự kiến hoàn thành năm 2021</b>			8.269	5.317	917
I	Cải tạo nhà học 3 tầng 15 phòng học và xây dựng nhà học chức năng Trường THPT Nam Đàn 2, huyện Nam Đàn.	Trường THPT Nam Đàn 2	5010-23/10/2017	8.269	5.317	917
V	<b>Y tế, dân số và gia đình</b>			506.352	290.247	37.239
	<b>Công trình dự kiến hoàn thành trước 31/12/2020</b>			22.709	21.879	939



TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021	Ghi chú	
			TMDT				
			Số quyết định	Tổng tài cả các nguồn vốn			Trong đó: NS tỉnh
1	Cơ sở vật chất Trung tâm y tế huyện Hưng Nguyễn	Trung tâm y tế huyện Hưng Nguyễn	2384-2/6/2014, 315-31/12/2018 2295 ngày	18.770	18.770	759	
2	Trạm Y tế Lĩnh Sơn	UBND xã Lĩnh Sơn	30/5/2017, 462 ngày 31/12/2019	3.939	3.109	180	
<b>Công trình dự kiến hoàn thành sau 2021</b>			<b>483.643</b>	<b>268.368</b>	<b>36.300</b>		
1	Đầu tư xây dựng và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải cho các bệnh viện: Bệnh viện đa khoa huyện Tân Kỳ, Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương, bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Lưu và Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Bắc, thuộc dự án tăng cường hệ thống y tế tỉnh Nghệ An sử dụng vốn ODA của CHLB Đức	Sở Y tế	6331 30/12/2015; 5367 25/12/2019	52.881	10.585	1.300	Đổi ứng ODA
2	Trung tâm xã trị và y học hạt nhân - Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	2511-06/6/2014; 823 20/3/2020	430.762	257.783	35.000	Dự án chọn điểm dừng kỹ thuật.
VI	<b>Văn hóa, thông tin</b>			<b>492.991</b>	<b>289.764</b>	<b>57.172</b>	
<b>Công trình dự kiến hoàn thành trước 31/12/2020</b>				<b>5.828</b>	<b>5.828</b>	<b>598</b>	
1	Cải tạo nhà trưng bày Bảo tàng Xô Viết Nghệ Tĩnh	Sở văn hoá và thể thao	79/QĐ-STC ngày 26/4/2017	5.828	5.828	598	
<b>Công trình dự kiến hoàn thành năm 2021</b>				<b>39.100</b>	<b>31.087</b>	<b>12.700</b>	
1	Khu di tích Phùng Chí Kiên	UBND huyện Diễn Châu	4850/QĐ-UBND.CNXXD ngày 18/10/2010	25.000	16.987	8.500	
2	Sân lễ hội và bãi đậu xe Đền Cường tại xã Diễn An, huyện Diễn Châu	Sở Văn hóa và Thể thao	QĐ 5024/QĐ-UBND ngày 23/10/2010; Quyết định số 864/QĐ.UBND- CNXXD ngày 23/3/2011	14.100	14.100	4.200	
<b>Công trình dự kiến hoàn thành sau 2021</b>				<b>448.063</b>	<b>252.849</b>	<b>43.874</b>	





TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
			Số quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	TMDT Trong đó: NS tỉnh		
1	Bảo tồn và phát huy giá trị Di tích Xó Viết Nghệ Tĩnh	UBND huyện Hưng Nguyên	5286- 11/11/2015; 834 20/3/2020	326.307	209.922	34.000	
2	Xây dựng Trưng đài đồng chí Phan Đăng Lưu và Công viên trung tâm tại thị trấn Yên Thành, huyện Yên Thành (giai đoạn 1)	UBND huyện Yên Thành	4374 02/11/2012	104.232,00	25.403	7.403	
3	Tu bổ, tôn tạo di tích nhà thờ và mộ Hồ Tùng Mậu	UBND huyện Quỳnh Lưu	3954 04/9/2015	17.524	17.524	2.471	
<b>VIII</b>	<b>Thể dục, thể thao</b>			<b>42.734</b>	<b>42.734</b>	<b>14.670</b>	
	<b>Công trình dự kiến hoàn thành trước 31/12/2020</b>			<b>19.551</b>	<b>19.551</b>	<b>670</b>	
1	Xây dựng nâng cấp và mở rộng sân vận động thành phố Vinh	Sở Văn hóa và Thể thao	251/QĐ-UBND ngày 17/01/2017	19.551	19.551	670	
	<b>Công trình dự kiến hoàn thành sau 2021</b>			<b>23.183</b>	<b>23.183</b>	<b>14.000</b>	
1	Cải tạo, nâng cấp mặt sân cỏ, hệ thống đèn chiếu sáng và một số hạng mục Sân vận động Vinh	Sở Văn hóa và Thể thao	1955/QĐ-UBND ngày 19/6/2020	23.183	23.183	14.000	
<b>IX</b>	<b>Bảo vệ môi trường</b>			<b>176.139</b>	<b>27.334</b>	<b>7.000</b>	
<b>IX.2</b>	<b>Tài nguyên</b>			<b>176.139</b>	<b>27.334</b>	<b>7.000</b>	
	<b>Công trình dự kiến hoàn thành sau năm 2021</b>			<b>176.139</b>	<b>27.334</b>	<b>7.000</b>	
1	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Nghệ An	Sở Tài nguyên và Môi trường	1518 17/4/2017	176.139	27.334	7.000	Đổi ứng ODA
<b>X</b>	<b>Các hoạt động kinh tế</b>			<b>22.409.034</b>	<b>6.958.093</b>	<b>1.299.679</b>	
<b>X.1</b>	<b>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</b>			<b>8.277.839</b>	<b>1.332.369</b>	<b>269.504</b>	
	<b>Công trình dự kiến hoàn thành trước 31/12/2020</b>			<b>1.015.738</b>	<b>230.317</b>	<b>19.950</b>	
1	Phát triển nông thôn tổng hợp miền Trung (Tiêu dự án phát triển nông thôn tổng hợp Hưng Trung -Nghị Kiều, gói thầu số 02 phân đoạn km9+628.2-km 14+282.59 và chợ nghị công nam)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Số 2787/QĐ-BNN-HTQT ngày 15/7/2015	415.237	20.527	270	Đổi ứng ODA



TT	Tên dự án	Đơn vị đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
			Số quyết định	TMĐT			
				Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NS tỉnh		
2	Xây dựng trạm bơm N8-Sa Vách Nam, xã Diên Quang, huyện Diên Châu	UBND xã Diên Quang	389/QĐ-STC 26/11/2016 (QT)	9.988	9.988	1.680	
3	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Lạch Vạn, huyện Diên Châu giai đoạn 2	UBND huyện Diên Châu	1448/QĐ UBND- NN, ngày 04/5/2011; 2112/QĐ UBND 27/5/2015 (QT)	138.918	58.918	16.000	
4	Dự án quản lý rủi ro thiên tai (VN-Haz) WB5	Sở Nông nghiệp và PTNT	1370 11/6/2012; 2169 03/6/2016 (BNN)	451.595	140.884	2.000	Đổi ứng ODA
-	Tiêu dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát lũ Sông Dền - Vách Bắc, huyện Yên Thành	Sở Nông nghiệp và PTNT	1225 01/4/2014; 5279 28/10/2019	48.197	16.420	1.000	
-	Đường cứu hộ, cứu nạn huyện Hưng Nguyên (gồm các xã Hưng Lam, Hưng Nhân, Hưng Xuân) (Gói thầu số 02: phần xây lắp công trình trên tuyến đường xã Hưng Nhân)	Sở Nông nghiệp và PTNT	3190 21/8/2012; 3755 16/8/2017	26.289	9.067	1.000	
Tổng trình dự kiến hoàn thành năm 2021				<b>889.900</b>	<b>345.448</b>	<b>75.408</b>	
1	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Cầu Bàn, huyện Hưng Nguyên	Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Nam Nghệ An	4813 30/10/2018	13.983	12.000	2.000	
2	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Nghĩa Hưng, xã Tây Hiếu, thị xã Thái Hòa	UBND thị xã Thái Hòa	1658 8/5/13	5.429	5.279	1.500	
3	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Xiêm, xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc.	Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thủy lợi Nam Nghệ An.	4729 16/10/13	13.100	11.025	1.025	
4	Sửa chữa, nâng cấp kênh chính hồ Bàu Gia - Mã Tổ.	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Bắc Nghệ An	1663 08/5/13	4.873	3.700	500	



TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
			Số quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NS tỉnh		
5	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Cửa Ông, xã Nam Nghĩa, huyện Nam Đàn	Công ty TNHH Thủy lợi Nam	2512; 13/6/2017	43.000	36.000	8.500	
6	Sửa chữa, nâng cấp đập tràn Khe Sùng, xã Hoa Sơn, huyện Anh Sơn	UBND huyện Anh Sơn	5564 23/10/14	10.304	10.304	1.270	
7	Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt xã Diễn Tháp, huyện Diễn Châu	UBND xã Diễn Tháp	2877 1/8/2012	22.267	6.700	2.400	
8	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bầu Nại, xã Mỹ Sơn, huyện Đô Lương.	UBND huyện Đô Lương.	4758 17/10/13	14.521	14.245	2.730	
9	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Chợ Mái, xã Nam Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	4901 02/10/14	11.506	11.506	2.500	
10	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đông Cày, xã Lam Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	7340 25/12/14	7.698	7.698	600	
11	Xây dựng trạm bơm Cồn Rời xã Hồng Sơn, huyện Đô Lương	UBND xã Hồng Sơn, huyện Đô Lương	5913 31/10/2014	7.175	6.675	2.000	
12	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Đình, xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn	UBND huyện Nam Đàn	5066; 08/10/14	9.702	8.202	630	
13	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Lò Ngói, xã Nam Thái, huyện Nam Đàn.	UBND xã Nam Thái, huyện Nam Đàn.	2739 24/7/12	6.925	6.925	420	
14	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đông Bai, xã Yên Hợp, huyện Quỳnh Hợp.	UBND huyện Quỳnh Hợp.	997 17/3/15	5.711	5.711	241	
15	Dự án di dân khẩn cấp vùng thiên tai sạt lở đất xã Châu Tiến và xã Liên hợp huyện Quỳnh Hợp	UBND huyện Quỳnh Hợp	2297/QĐ-UBND; 21/6/2011	36.347	25.605	9.700	Đề thực hiện dự án giai đoạn 1, giai đoạn 2, giai đoạn 3
16	Xây dựng Trạm bơm Cồn Ngang và Trạm bơm kênh N17, xã Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Lưu	4567 ngày 27/10/11	14.698	14.498	1.270	
17	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Thống Nhất, xã Tây Hiếu, thị xã Thái Hòa.	UBND thị xã Thái Hòa	5134 18/12/12	11.480	11.480	1.950	
18	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Hóc Chọc, xã Tiến Thành, huyện Yên Thành.	UBND xã Tiến Thành, huyện Yên Thành	421 17/02/12	11.191	11.191	415	



TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
			Số quyết định	TMĐT		Trong đó: NS tỉnh		
				Tổng tất cả các nguồn vốn				
19	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống kênh tưới xã Tân Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	ngày 4679 15/10/15	11.315	8.315	1.130		
20	Xây dựng kè chống sạt lở bờ hữu sông Lam, đoạn thị trấn Hòa Bình, huyện Tương Dương	UBND huyện Tương Dương	2410 02/6/14	67.343	58.000	15.000		
21	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Quán Đôn, xã Đại Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	2019 08/6/12	19.971	19.971	5.530		
22	Sửa chữa, nâng cấp Hồ chứa nước Hóc Mết, xã Tân Sơn, huyện Quỳnh Lưu	UBND huyện Quỳnh Lưu	785/QĐ-UBND ngày 12/5/2014	14.998	14.298	2.500		
23	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập, tỉnh Nghệ An (WB8)	Sở Nông nghiệp & PTNT	4638 09/11/15 (Bộ NN&PTNT)	517.240	26.997	11.197	Đổi ứng ODA	
24	Sửa chữa, nâng cấp đập dâng Khe Tran và hệ thống kênh tưới, xã Hòa Sơn, huyện Anh Sơn	UBND huyện Anh Sơn	4492 07/10/13; 48 ngày 10/4/2020	9.123	9.123	400		
	<b>Công trình dự kiến hoàn thành sau 2021</b>			<b>6.372.202</b>	<b>756.604</b>	<b>174.146</b>		
1	Khởi phục nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Nghệ An	Sở NN&PTNT	1929 14/8/12	5.204.000	371.000	40.000	Đổi ứng ODA	
2	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bàu Gáo và Khe Rọ, xã Diên Lâm, huyện Diên Châu.	UBND huyện Diên Châu	4743 17/10/13	23.712	23.712	500		
3	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Thung Mết, xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	4847 22/10/13	9.749	9.749	1.000		
4	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đê Tả Lam từ k18-K25+546,5, huyện Thanh Chương (Gói thầu số 10); Gói thầu số 5B (từ Km0+00 đến Km2+00 thuộc tuyến đê Nam Trung)	Sở Nông nghiệp và PTNT	1584/QĐ-UBND.NN, 02/5/2013; 741/QĐ.UBND, 17/3/2011	179.072	18.100	13.100	Đổi ứng NSTW	
5	Dự án xây dựng mẫu các khu định cư làng chài trên sông Lam huyện Thanh Chương	Chi cục PTNT	6379; 02/12/09 5415; 12/12/11; 801; 3/3/16	86.067	13.367	5.600		
6	Xây dựng hệ thống cấp nước biển nuôi tôm công nghiệp theo quy chuẩn Việt Gáp tại xã Quỳnh Bàng, huyện Quỳnh Lưu	UBND huyện Quỳnh Lưu	67/QĐ-HUBND 26/10/15; 5345 ngày 31/10/16	60.000	15.000	15.000	Đổi ứng NSTW	



TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
			Số quyết định	TMDT			
				Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NS tỉnh		
7	Dự án hiện đại hóa lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Nghệ An	Sở Nông nghiệp & PTNT	1545/QĐ-UBND ngày 09/5/2019	308.268	83.224	6.500	Đổi ứng ODA
8	Nâng cấp hệ thống tiêu thoát lũ sông Bàu Chèn - Trung Long, đoạn từ xã Công Thành đến xã Long Thành, huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	2219/22/5/14	65.908	65.908	15.583	
9	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư để di dân khẩn cấp ra khỏi vùng có nguy cơ lũ quét, sạt lở đất và vùng ĐBKK xã Yên Tĩnh, huyện Tương Dương	UBND huyện Tương Dương	268; 20/01/2012 4845 31/10/2018	66.949	24.997	10.116	
10	Di dời 33 hộ dân ra khỏi vùng có nguy cơ lũ quét và sạt lở đất nguy hiểm tại xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Quế Phong	5157 13/12/2019	14.970	7.485	4.485	
11	Nâng cấp tuyến đê sông Mơ, đoạn qua các xã Tiến Thủy, Quỳnh Nghĩa, Quỳnh Bàng, Quỳnh Thanh, Quỳnh Đồi, Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu (giai đoạn I)	UBND huyện Quỳnh Lưu	97/QĐ-HĐND 30/10/2015 CTĐT; 3927/QĐ-UBND ngày 15/8/16	80.000	15.000	15.000	Đổi ứng NSTW
12	Xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Lam, đoạn qua các xã Cát Vãn, Thanh Tiên, Thanh Lĩnh, Võ Liệt, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Thanh Chương	115/QĐ-HĐND ngày 30/10/15; 1294/QĐ- UBND 30/3/16; 4893 ngày 18/10/17	80.000	29.062	19.062	
13	Xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn để phát triển sản xuất các vùng nguyên liệu ở huyện Anh Sơn tỉnh Nghệ An	UBND huyện Anh Sơn	1350/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	66.000	20.000	6.700	
14	Xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Hiếu, đoạn qua thị trấn Tân Lạc và xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	08/QĐ-HĐND ngày 02/3/2016; 5049 ngày 25/10/2017	80.000	20.000	20.000	
15	Xây dựng hồ chứa nước Bản Chiềng xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp	UBND huyện Quỳnh Hợp	4756; 25/10/2018; 1949/QĐ-UBND ngày 18/6/2020	47.507	40.000	1.500	
X.2	Công nghiệp			12.529	430	430	
	Công trình dự kiến hoàn thành trước 31/12/2020			12.529	430	430	



TT	Danhs mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
			Số quyết định	TMĐT			
				Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NS tỉnh		
1	Một số tuyến điện chiếu sáng thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương	UBND huyện Thanh Chương	4231/12/10/2011 127/QĐ-STC 18/4/2018	12.529	430	430	Đội ứng NSTW, thanh toán nợ đọng XDCB.
X.3	<b>Giao thông</b>			<b>10.777.397</b>	<b>3.918.122</b>	<b>788.979</b>	
	<b>Công trình dự kiến hoàn thành trước 31/12/2020</b>			<b>1.003.960</b>	<b>686.516</b>	<b>21.254</b>	
1	Cầu treo Đò Ròng, huyện Anh Sơn	Sở Giao thông Vận tải	1920 01/6/2012	43.238	40.238	1.277	
2	Cầu treo Bãi Ồi, huyện Con Cuông	Sở Giao thông Vận tải	2605 13/7/2012	32.826	32.826	467	
3	Cầu treo bản Khe Tang, huyện Kỳ Sơn	Sở Giao thông Vận tải	4330 18/10/2011	20.816	20.816	2.666	
4	Đài lộ Vinh- Cửa Lò	Sở Giao thông Vận tải	1456/2/5/2012	619.588	439.588	7.000	
5	Đường giao thông từ QL 1A cầu Cẩm di Nghi Hưng, Nghi Đông, Nghi Phương - TL 534, huyện Nghi Lộc	UBND huyện Nghi Lộc	4515 10/9/2008	34.324	27.976	4.497	
6	Cầu treo bản Lưôm xã Yên Thắng	UBND Huyện Tương Dương	266/QĐ-STC-TCBDT 5/11/2018 (QT)	14.964	12.360	3.100	
7	Tuyến đường tránh lũ và cứu hộ, cứu nạn cho các xã Diễn Trung, Diễn An, Diễn Phú, Diễn Lộc và Diễn Lợi (GD 1)	UBND huyện Diễn Châu	5760/QĐ-UBND 30/11/2010; QĐ 2673/QĐ-UBND ngày 10/6/2016	163.124	42.712	247	
8	Sửa chữa, nâng cấp tuyến nhánh nối vào đường Trung - Bình - Lâm, huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	1441 11/4/2014	75.080	70.000	2.000	
	<b>Công trình dự kiến hoàn thành năm 2021</b>			<b>981.542</b>	<b>580.712</b>	<b>96.301</b>	
1	Đường GT liên xã Mỹ Sơn - Hiến Sơn đến khu di tích lịch sử Trùng Bồn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	5087 31/10/2013	31.186	24.377	5.000	
2	Đường giao thông từ Quang Sơn - Nhân Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	2313 29/5/2009	45.134	25.567	3.417	



TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
			Số quyết định	TMĐT			
				Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NS tỉnh		
3	Nâng cấp mở rộng đường giao thông Lê Xuân Đào, huyện Hưng Nguyên	UBND huyện Hưng Nguyên	3964 27/9/2011	74.121	54.675	2.000	
4	Đường giao thông liên xã Nghĩa Yên đi Nghĩa Hồng, huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	3340 18/7/2014	25.000	25.000	2.000	
5	Đường dọc khu trung tâm huyện lỵ mới huyện Nghĩa Đàn ( Dự án 5) (gói số 2, số 3)	UBND huyện Nghĩa Đàn	4618 14/9/2009 3897 01/10/2019	33.214	13.652	3.000	
6	Đường GT từ xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc đi xã Đại Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Nghi Lộc	5815 29/10/2014	20.920	10.000	1.300	
7	Đường GT trung tâm nội khu hành chính mới thị trấn Quán Hành, huyện Nghi Lộc (giai đoạn 1)	UBND thị trấn Quán Hành	5029 30/10/2013	48.588	12.375	1.175	
8	Đường GT liên xã Minh Hợp - Văn Lợi, huyện Quỳnh Hợp	UBND huyện Quỳnh Hợp	4207 12/10/2011 4810	41.340	31.470	3.800	
9	Tuyến đường ngang N6 thuộc hệ thống hạ tầng giao thông Khu đô thị mới Thái Hòa	UBND Thị xã Thái Hòa	30/10/2008 144 13/01/2014	114.465	18.528	8.800	
10	Đường vào TT xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	2599 24/6/2013; 4481-QT 30/10/2019	36.369	23.801	4.100	
11	Nâng cấp đường tỉnh 534, đoạn qua thị tứ xã Sơn Thành, huyện Yên Thành	UBND xã Sơn Thành, huyện Yên Thành	4814 21/10/2013	39.550	35.000	3.500	
12	Đường giao thông tuyến Bệnh viện - Hợp Thành, huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	5081 27/10/2010	52.576	10.000	2.000	
13	Đường giao thông tuyến Nghĩa An đi Nghĩa Đức, huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	5065 25/10/2017	24.717	21.000	1.000	
14	Đường giao thông từ bản Huồi Lê đến bản Quyết Thắng, xã Keng Đu, huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	4408 21/10/2011	75.680	65.498	12.500	
15	Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 545 đoạn qua thị xã Thái Hòa	UBND thị xã Thái Hòa	5241 30/10/2010	146.183	50.000	5.000	
16	Cầu Huồi Mân 2, xã Châu Nga, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	5135 30/10/2017	20.000	20.000	5.500	



TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
			Số quyết định	TMĐT		Trong đó: NS tỉnh		
				Tổng tất cả các nguồn vốn				
17	Cầu Huồi Mân 1, xã Châu Nga, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	5136 30/10/2017	20.000	20.000	2.400		
18	Đường giao thông nông thôn huyện Quế Phong	UBND huyện Quế Phong	192 18/01/2008	54.916	43.682	15.859		
19	Đường Nhân Tài - Giã Giang	UBND huyện Anh Sơn	2674/QĐ-UBND 10/6/2016	62.587	62.587	7.450		
20	Đường giao thông từ bản Bình 1 đi bản Trung Khang, xã Châu Bình, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	4640 18/10/2018	14.996	13.500	6.500		
<b>Công trình dự kiến hoàn thành sau 2021</b>								
1	Đường giao thông nối Vinh - Cửa Lò (giai đoạn 1)	Sở Giao thông Vận tải	1962 13/5/2017	1.411.000	311.000	100.000		
2	Đường ven biển từ Nghi Sơn (Thanh Hóa) đến Cửa Lò (Nghệ An) đoạn từ điểm giao Quốc lộ 46 đến Tỉnh lộ 535 (Km 76 - Km83+500)	Sở Giao thông Vận tải	4429 29/10/2019	521.000	260.844	100.000		
3	Đường Mường Xén - Ta Do - Khe Kiên	Sở Giao thông Vận tải	5945 31/10/2014 3880 11/8/2016	1.025.129	391.833	95.000		
4	Dự án đầu tư xây dựng Cầu Cửa Hội bắc qua sông Lam, tỉnh Nghệ An và tỉnh Hà Tĩnh	Bộ Giao thông vận tải	1664 06/8/2018	950.000	250.000	30.000	Bổ trí phần NS tỉnh Nghệ An	
5	Tuyến đường số 1, khu đô thị Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	UBND thị xã Hoàng Mai	5127 31/10/13; 5620 22/11/10	355.228	45.000	30.000		
6	Đường GT làng nghề hoa, cây cảnh Kim Chi, Kim Phúc, xã Nghi Ân, thành phố Vinh	UBND xã Nghi Ân, thành phố Vinh	5055 31/10/2015; 722 02/3/2018	12.928	4.000	2.000		
7	Đường giao thông từ xã Mậu Đức đi xã Thạch Ngàn, huyện Con Cuông	UBND huyện Con Cuông	1894 23/5/2008 3702 13/9/2011	52.628	36.840	4.000		
8	Đường làng cây đa thuộc thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	UBND thị trấn Hưng Nguyên	3815 29/8/2013	28.551	21.951	4.000		



TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
			Số quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	TMĐT Trong đó: NS tỉnh		
9	Đường giao thông từ QL 46 đến xã Nam Anh, huyện Nam Đàn (giai đoạn 1)	UBND huyện Nam Đàn	4405 21/10/2011	57.439	57.439	3.000	
10	Đường giao thông liên xã Châu Quang - Châu Cường, huyện Quỳnh Hợp	UBND huyện Quỳnh Hợp	5111 27/10/2017	35.000	31.500	8.050	
11	Đường giao thông vành đai phía Bắc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Nam Đàn	QĐ phê duyệt số 1701/QĐ-UBND ngày 20/4/2016	219.963	50.000	11.031	
12	Tuyến đường nối Khu di tích gốc - Chùa Chí Linh đến Khu tâm linh - lễ hội, thuộc Khu du lịch sinh thái và tâm linh Rú Gám, huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	4373 08/9/2014	108.360	4.600	4.600	Đổi ứng NSTW (giai đoạn 1 TMĐT 68.795 triệu đồng)
13	Tuyến đường ngang N8 thuộc dự án Xây dựng hạ tầng giao thông trung tâm đô thị mới thị xã Thái Hòa (giai đoạn 1)	UBND thị xã Thái Hòa	5264 30/10/2010 4414 03/10/2018	78.291	11.787	3.787	
14	Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiêu dự án tỉnh Nghệ An	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2094/QĐ-UBND 2/5/2018	1.198.630	130.277	40.000	Đổi ứng ODA (GPMB)
15	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAM) tỉnh Nghệ An - Hợp phần 1: Khôi phục, cải tạo đường địa phương	Sở Giao thông vận tải	622/QĐ-BGTVT 02/3/2016	298.190	9.470	1.500	Đổi ứng ODA
16	Đường vào TT xã Châu Khê, huyện Con Cuông (bố trí giai đoạn 1)	UBND huyện Con Cuông	5883 30/10/2014	118.214	60.000	4.000	
17	Đường giao thông Nhân Sơn- Đại Sơn huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	5187/QĐ-UBND.CN 30/10/2010 1124/QĐ-UBND ngày 10/4/2020	64.072	37.101	8.000	
18	Đường giao thông từ Tổng đội TNXP4 đi trung tâm xã Tân Hợp, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	5512 21/11/2013	37.140	18.570	6.500	



TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
			Số quyết định	TMDT			
				Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NS tỉnh		
19	Đường giao thông chống ngập nổi các xã Diên Thịnh, Diên Lộc, Diên Thọ và Diên Lợi, huyện Diên Châu	UBND huyện Diên Châu	4410 10/9/2014	98.910	69.237	13.000	
20	Đường giao thông từ khu trung tâm thị xã Hoàng Mai đến đến Cồn	UBND thị xã Hoàng Mai	5144 31/10/2013	84.768	20.000	3.528	
21	Tuyến đường số 3 Khu đô thị Hoàng Mai (giai đoạn 1)	UBND thị xã Hoàng Mai	4201 26/9/2008; 5126 31/10/13; 3652 17/8/2018	194.225	89.214	9.000	
22	Đường giao thông từ thị trấn Con Cuông đi xã Bình Chuẩn, huyện Con Cuông	UBND huyện Con Cuông	64 7/01/2013	215.292	30.000	11.222	
23	Đường giao thông nối từ Quốc lộ 1 A (Quỳnh Hậu) đi Quỳnh Đồi nối đường du lịch sinh thái biển Quỳnh Bằng	UBND huyện Quỳnh Lưu	5462 10/11/2010	266.038	9.000	6.000	
24	Đường vào trung tâm xã Nghĩa Trung, Nghĩa Bình, Nghĩa Lâm huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Nghĩa Đàn	5297 26/12/07	68.160	21.160	18.600	
25	Cầu Khe Thần, xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	3454 08/8/2013	42.740	34.192	2.000	
26	Đường giao thông vùng nguyên liệu Khe Chùa, huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	4215 12/10/2011 1201 31/3/2014 152 14/01/2015	106.578	76.578	1.000	
27	Đường giao thông vào khu xử lý rác thải thị xã Thái Hoà	UBND thị xã Thái Hoà	4852 31/10/2008	72.219	39.129	10.000	
28	Tuyến đường trục dọc D3 thuộc dự án xây dựng hạ tầng giao thông trung tâm đô thị mới Thái Hòa	UBND thị xã Thái Hoà	5102 ngày 28/10/2010 5965	45.256	31.679	10.752	
29	Đường cứu hộ, cứu nạn từ bờ tả sông Sô xã Phú Thành đi dọc kênh Vách Bắc đến sông Bàu Chén, xã Liên Thành, huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	10/12/2010 241 15/01/2016	213.492	40.000	35.000	Đổi ứng NSTW
30	Nâng cấp tuyến đường giao thông Châu Bình-Châu Thuận-Châu Hội-Châu Nga, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	5324/QĐ-UBND 31/10/2016 PDDA 3919	120.000	15.084	3.710	
31	Đường từ Thịnh Thành, Tây Thành đến QL 15 (gđ1)	UBND huyện Yên Thành	10/10/2012	44.059	30.841	1.144	





TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
			Số quyết định	TMDT Tổng tất cả các nguồn vốn		
32	Nâng cấp đường giao thông tuyến Thị trấn - Đức Thành, huyện Yên Thành (giai đoạn 1: Km 0+00 - Km 4+442, trừ cầu Yên Định)	UBND huyện Yên Thành	4174 19/9/2013	64.812	1.000	
33	Một số tuyến đường chính trong giai đoạn đầu của thị trấn Yên Thành (Đoạn N4-1 và đường vào nhà thờ Phan Cảnh Quang)	UBND huyện Yên Thành	5266 30/10/2010	162.738	10.000	
34	Tuyến đường số 1 thị tứ Quỳnh Thạch, xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu	5120 27/10/2017	19.845	5.000	
35	Xây dựng cầu Diễn Kim, huyện Diễn Châu	UBND huyện Diễn Châu	12/NQ-HĐND ngày 14/5/2020 2079/QĐ-UBND ngày 29/6/2020	125.000	25.000	
36	Cầu Thanh Nam qua sông Lam, huyện Con Cuông	UBND huyện Con Cuông	13/NQ-HĐND ngày 14/5/2020, 2538/QĐ-UBND ngày 30/7/2020	166.000	25.000	
37	Đường từ thị trấn Tân Kỳ đi xã Nghĩa Hợp, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	1613 20/4/2010; 1684 18/5/2011; 839-22/3/12	110.000	25.000	Đổi ứng NSTW, có thanh toán nợ đọng XDCB
X.4	<b>Khu công nghiệp và khu kinh tế Công trình dự kiến hoàn thành năm 2021</b>			<b>1.479.978</b> <b>14.518</b>	<b>65.999</b> <b>400</b>	
1	Đường giao thông vào Cụm công nghiệp Nghĩa Hoàn, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	5274 ngày 24/12/2012 và 2781 ngày 01/7/2015	14.518	400	
	<b>Công trình dự kiến hoàn thành sau 2021</b>			<b>1.465.460</b>	<b>65.599</b>	
1	Tuyến đường D4 trong KKT Đông Nam Nghệ An (Hạng mục tuyến đường kết nối nói đường D4 với Cảng xăng dầu DKC)	Ban quản lý KKT Đông Nam	số 517/QĐ-UBND ngày 22/02/2019	847.595	50.000	



TT	Tên dự án	Đơn vị chủ trì	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
			Số quyết định	TMDT		Khả năng tài chính		
				Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NS tỉnh			
2	Tuyến đường D3, N3 vào cụm công nghiệp Hưng Đông, thành phố Vinh.	UBND thành phố Vinh	3030 ngày 17/7/2013	64.926	41.111	2.000		
3	Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thị trấn Yên Thành, huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	4899 ngày 24/10/2013	46.619	20.000	8.500		
3	Xây dựng Khu tái định cư thuộc Khu công nghiệp Đông Hội (vị trí số 1 và số 2)	UBND thị xã Hoàng Mai	5352 ngày 08/12/2011 và 1976 ngày 02/6/2011	506.320	110.000	5.099		
X.6	Cấp nước, thoát nước			206.011	130.276	15.953		
	Công trình dự kiến hoàn thành trước 31/12/2020			168.468	108.119	12.696		
1	Mương tiêu thoát nước Bầu Đông, xã Hưng Đông, thành phố Vinh	UBND xã Hưng Đông, thành phố Vinh	5128 31/10/2013; 2439 23/7/2020	36.739	24.622	196		
2	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị xã Cửa Lò giai đoạn 1	UBND thị xã Cửa Lò	4411 03/10/2013	131.729	83.497	12.500	Đội ứng ODA	
	Công trình dự kiến hoàn thành năm 2021			37.543	22.157	3.257		
1	Kênh thoát nước số 1, đoạn từ ngang số 18 đến số 23, thị xã Cửa Lò	UBND thị xã Cửa Lò	1428 7/4/2010; 5001 29/10/2013 của UBND tỉnh; 2817 29/9/2016 của UBND thị xã Cửa Lò (gói số 4)	37.543	22.157	3.257		
X.8	Du lịch			278.947	36.638	2.000		
	Công trình dự kiến hoàn thành sau 2021			278.947	36.638	2.000		
1	Dự án "Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiêu vùng Mê Công mở rộng - giai đoạn 2", tiêu dự án tỉnh Nghệ An	Sở Du lịch	4776 QĐ-UBND 26/10/2018	278.947	36.638	2.000	Đội ứng ODA	
X.12	Quy hoạch			132.235	132.235	74.172		
	Công trình khởi công mới			132.235	132.235	74.172		



TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
			Số quyết định	TMDT Tổng tất cả các nguồn vốn		
1	Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1179/QĐ-TTg ngày 4/8/2020 3808/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	72.235	40.000	
2	Vốn chuẩn bị đầu tư và quy hoạch khác (Phần bổ sung)			60.000	34.172	
<b>X.13</b>	<b>Công trình công cộng tại các đô thị</b>			<b>1.244.098</b>	<b>82.642</b>	
	<b>Công trình dự kiến hoàn thành năm 2021</b>			<b>52.435</b>	<b>9.135</b>	
1	Khu tái định cư các hộ dân sông gần Khu liên hợp xử lý chất thải rắn xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc	UBND huyện Nghi Lộc	1179 13/4/2012	37.539	34.417	8.217
2	Đường ngang số 19 từ đường Bình Minh đến đường trục dọc số III, thị xã Cửa Lò	UBND thị xã Cửa Lò	572 02/3/2012	14.896	6.500	918
	<b>Công trình dự kiến hoàn thành sau 2021</b>			<b>1.191.663</b>	<b>748.446</b>	<b>73.507</b>
1	Đường Nguyễn Sỹ Sách kéo dài nối đường ven sông Lam, thành phố Vinh (giai đoạn I)	UBND thành phố Vinh	5118 27/10/2017	419.414	220.000	25.000
2	Đường từ KCN Hoàng Mai II đến NM xi măng Tân Thắng, huyện Quỳnh Lưu	BQLDA Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Nghệ An	3865/QĐ.UBND 31/8/2010 2437 07/6/2017	378.807	378.807	30.000
3	Hệ thống Kênh tiêu thoát nước Nghi Kim - Nghi Vạn, thành phố Vinh (giai đoạn I)	UBND thành phố Vinh	803 20/3/2012	49.289	14.000	2.000
4	Xây dựng đường giao thông Hòa Thái, xã Hưng Hòa, thành phố Vinh nối từ đường ven sông Lam đến đê Môi trường (giai đoạn I)	UBND xã Hưng Hòa, thành phố Vinh	5119 27/10/2017	80.136	60.000	8.507
5	Đường giao thông từ QL1A (ngã Ba Quán Bàu) đến Đại lộ Xô viết Nghệ Tĩnh.	BQLDA Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Nghệ An	5496 21/10/2014	264.017	75.639	8.000
<b>XI</b>	<b>Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập...</b>			<b>134.935</b>	<b>96.744</b>	<b>31.305</b>
	<b>Công trình dự kiến hoàn thành trước 31/12/2020</b>			<b>21.250</b>	<b>16.670</b>	<b>2.933</b>



TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
			Số quyết định	TMĐT		Kế hoạch năm 2021		
				Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NS tỉnh			
1	Xây dựng bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế 01 cửa liên thông hiện đại tại UBND huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	2138 14/6/2011	5.200	2.600	863		
2	Trụ sở làm việc huyện ủy Tương Dương	Huyện ủy Tương Dương	5879 30/10/2014	12.330	11.270	1.270		
3	Trụ sở UBND xã Tam Thái, Tương Dương	UBND huyện Tương Dương	5507; 20/11/2013	3.720	2.800	800		
<b>Công trình dự kiến hoàn thành năm 2021</b>								
1	Xây dựng trụ sở làm việc Trung tâm giống cây trồng Nghệ An.	Trung tâm giống cây trồng Nghệ An	4224 3/9/14	5.715	5.715	715		
2	Trụ sở Đảng ủy, HDND-UBND xã Hưng Yên Nam	UBND xã Hưng Yên Nam	313 31/10/2016	5.226	4.000	2.000		
3	Nhà công vụ huyện ủy Kỳ Sơn	Huyện ủy Kỳ Sơn	5344 31/10/2016	8.461	8.461	861		
4	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HDND-UBND xã Hữu Kiêm, huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	1932 12/5/2017	4.503	4.503	1.764		
5	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HDND-UBND xã Hữu Lập, huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	374 17/10/2017	4.957	4.957	2.444		
6	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HDND-UBND xã Tây Sơn, huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	366 17/10/2017	4.990	4.990	2.490		
7	Trụ sở Đảng ủy, HDND-UBND xã Hười Tụ	UBND huyện Kỳ Sơn	627 31/10/2019	6.350	6.000	3.500		
8	Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh Nghệ An	Tỉnh đoàn Nghệ An	585/QĐ-TTg 6/4/2016; 248- QĐ/TWDTN-VP 04/6/2019	44.983	12.948	2.948		
<b>Công trình dự kiến hoàn thành sau năm 2021</b>								
1	Xây dựng trụ sở Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh Nghệ An	Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh Nghệ An	5278 28/10/2016	28.500	28.500	11.650		





HỘI ĐỒNG NHÂN  
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - tự do - hạnh phúc

Phụ lục số 2: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 NGUỒN THU SỬ DỤNG  
ĐẤT PHÂN CẤP CHO CẤP HUYỆN, XÃ

(Phụ lục kèm theo Nghị Quyết số 40/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Thu sử dụng đất năm 2021	Phân ngân sách huyện xã trực tiếp phân bổ		
			Tổng số	Trong đó	
				Giáo dục - dạy nghề	Khoa học công nghệ
1	2	3	4	5	6
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.000.000</b>	<b>1.527.500</b>	<b>563.057</b>	<b>56.088</b>
1	TP. Vinh	950.000	505.000	188.223	18.710
2	Hưng Nguyên	90.000	58.500	21.445	2.148
3	Nam Đàn	135.000	135.000	49.489	4.957
4	Nghi Lộc	150.000	97.500	35.742	3.580
5	Diễn Châu	135.000	79.000	28.960	2.901
6	Quỳnh Lưu	220.000	143.000	52.422	5.394
7	Yên Thành	150.000	97.500	35.742	3.580
8	Đô Lương	130.000	84.500	30.976	3.103
9	Thanh Chương	55.000	35.750	13.105	1.313
10	Anh Sơn	12.000	7.800	2.859	286
11	Tân Kỳ	20.000	13.000	4.766	477
12	Nghĩa Đàn	50.000	32.500	11.914	1.193
13	Quỳ Hợp	3.000	1.950	715	
14	Quỳ Châu	3.000	1.950	715	
15	Quế Phong	2.000	1.300	477	
16	Con Cuông	2.000	1.300	477	
17	Tương Dương	2.000	1.300	477	
18	Kỳ Sơn	1.000	650	238	
19	Thị xã Cửa Lò	125.000	87.500	32.076	3.213
20	Thị xã Thái Hoà	45.000	31.500	11.547	1.157
21	Thị xã Hoàng Mai	120.000	111.000	40.691	4.076



Phụ lục số 3: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẮT GIẢM, THU HỒI CHỈ TIÊU VỐN TẠI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016-2020 VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019 KÉO DÀI SANG NĂM 2020

(Phụ lục kèm theo Nghị Quyết số 40/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2019 kéo dài sang năm 2020			Số vốn thu hồi (cắt giảm)	Ghi chú
			Kế hoạch vốn	Giải ngân KII đến 15/11/2020	KH còn lại chưa giải ngân		
	Tổng số		26.800,000000	60,000000	26.740,000000	26.740,000000	
	Nguồn ngân sách địa phương						
I	Quyết định số 5599/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 và được UBND cho phép kéo dài sang năm 2020 tại Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 30/3/2020		1.900,000000	60,000000	1.840,000000	1.840,000000	
I	Đường giao thông đô thị theo đường tàu cũ, phường Trung Đô, thành phố Vinh	UBND phường Trung Đô, thành phố Vinh	1.900,000000	60,000000	1.840,000000	1.840,000000	
II	Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 (Quyết định số 5299/QĐ-UBND ngày 20/12/2019)		24.900,000000	0,000000	24.900,000000	24.900,000000	
	Nguồn chuẩn bị đầu tư và Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn theo Nghị định 57/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ tại Quyết định số 5599/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh cho phép kéo dài sang năm 2020						
	<i>Khởi ngành kinh tế</i>						
1	Xây dựng công điều tiết kết hợp cầu giao thông vào vùng bãi sản xuất xã Hưng Xá, huyện Hưng Nguyên	UBND xã Hưng Xá	250,000000	0,000000	250,000000	250,000000	
2	Xây dựng đê và công ngăn lũ, tiêu úng Hói Quai, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	500,000000	0,000000	500,000000	500,000000	
3	Sửa chữa, nâng cấp kênh chính hồ chứa nước Quỳnh Tam, huyện Quỳnh Lưu	Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc Nghệ An	200,000000	0,000000	200,000000	200,000000	
4	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi các xã Diễn Đông, Diễn Liên, Diễn Xuân, Diễn Kỳ huyện Diễn Châu	UBND huyện Diễn Châu	250,000000	0,000000	250,000000	250,000000	
5	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ đường Vinh nối Cửa Lò đến đường ĐT 535 qua trung tâm xã Nghi Xuân huyện Nghi Lộc	UBND huyện Nghi Lộc	150,000000	0,000000	150,000000	150,000000	
6	Xây dựng hồ chứa nước khe Lại, xã Mậu Đức, huyện Con Cuông	UBND huyện Con Cuông	500,000000	0,000000	500,000000	500,000000	
7	Sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi thuộc Công ty TNHH thủy lợi Tân Kỳ	Công ty TNHH thủy lợi Tân Kỳ	400,000000	0,000000	400,000000	400,000000	
8	Sửa chữa, nâng cấp các tuyến kênh tưới chính hồ chứa nước Vực Mầu	Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Bắc Nghệ An	400,000000	0,000000	400,000000	400,000000	
9	Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước và hệ thống kênh tưới huyện Anh Sơn	UBND huyện Anh Sơn	500,000000	0,000000	500,000000	500,000000	



TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2019 kéo dài sang năm 2020			Số vốn thu hồi (cắt giảm)	Ghi chú
			Kế hoạch vốn	Giải ngân KH đến 15/11/2020	KH còn lại chưa giải ngân		
10	Sửa chữa, nâng cấp cống Bara Nghi Khánh	Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Nam Nghệ An	200,000000	0,000000	200,000000	200,000000	
11	Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước, kênh tưới và hạ tầng sản xuất cánh đồng lớn, liên kết sản xuất lúa giống huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	400,000000	0,000000	400,000000	400,000000	
12	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Chợ Cầu và trạm bơm Thọ Sơn thuộc hệ thống Thủy lợi Nam Nghệ An	Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Nam Nghệ An	400,000000	0,000000	400,000000	400,000000	
13	Sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh tiêu chính xã Diễn Thịnh, Diễn Trung, Diễn An, huyện Diễn Châu	UBND huyện Diễn Châu	250,000000	0,000000	250,000000	250,000000	
14	Sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi thuộc Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Tây Bắc	Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Tây Bắc	500,000000	0,000000	500,000000	500,000000	
15	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống kênh tưới, tiêu xã Thanh Liên và Phong Thịnh, huyện Thanh Chương	UBND huyện Thanh Chương	400,000000	0,000000	400,000000	400,000000	
16	Sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi thuộc Công ty TNHH thủy lợi Phú Quý	Công ty TNHH thủy lợi Phú Quý	400,000000	0,000000	400,000000	400,000000	
17	Sửa chữa, nâng cấp đập Bù Chải, xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	200,000000	0,000000	200,000000	200,000000	
18	Xây dựng trạm bơm Làng Lầm, xã Nghĩa Lâm, huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	200,000000	0,000000	200,000000	200,000000	
19	Sửa chữa, nâng cấp Trạm bơm Luxambua và tuyến kênh cấp 1, kênh nhánh sau trạm bơm xã Nghi Hưng, huyện Nghi Lộc	UBND xã Nghi Hưng, huyện Nghi Lộc	100,000000	0,000000	100,000000	100,000000	
20	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đồi Tương	Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc Nghệ An	200,000000	0,000000	200,000000	200,000000	
21	Sửa chữa, nâng cấp đập Bàu Gia B và đập phụ 4, hồ chứa nước Bàu Gia - Mả Tổ, xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu	Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc Nghệ An	150,000000	0,000000	150,000000	150,000000	
22	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm tưới tiêu Thanh Phong và tuyến đê bao sông Khe Cái, xã Hưng Trung, huyện Hưng Nguyên	Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Nam Nghệ An	200,000000	0,000000	200,000000	200,000000	
23	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu nước Rào Trường đoạn qua các xã Nghi Trung, Nghi Thịnh, Nghi Xá huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Nghi Lộc	500,000000	0,000000	500,000000	500,000000	
24	Xây dựng tuyến đường Hưng Hòa - Hưng Lộc - Nghi Đức - Nghi Ân - Nghi Trường - Nghi Xá - Nghi Thiét - Nghi Quang (đoạn qua địa bàn huyện Nghi Lộc)	UBND huyện Nghi Lộc	300,000000	0,000000	300,000000	300,000000	
25	Đường giao thông từ Ngã 3 Động Dâu, xã Thành Sơn đi Trung tâm xã Thọ Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Anh Sơn	200,000000	0,000000	200,000000	200,000000	
26	Đường giao thông từ xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn đi xã Thanh Nho, huyện Thanh Chương	UBND huyện Anh Sơn	200,000000	0,000000	200,000000	200,000000	



TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2019 kéo dài sang năm 2020			Số vốn thu hồi (cắt giảm)	Ghi chú
			Kế hoạch vốn	Giải ngân KH đến 15/11/2020	KH còn lại chưa giải ngân		
27	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông liên xã Diên Thắng - Diên An	UBND huyện Diên Châu	500,000000	0,000000	500,000000	500,000000	
28	Đường giao thông từ Văn Sơn, huyện Đô Lương đi Thanh Phong, huyện Thanh Chương	UBND huyện Đô Lương	500,000000	0,000000	500,000000	500,000000	
29	Nâng cấp cải tạo đường giao thông liên xã Diên Yên, Diên Hoàng, Diên Hùng, huyện Diên Châu	UBND huyện Diên Châu	200,000000	0,000000	200,000000	200,000000	
30	Đường từ xóm 2 đi xóm 6 Nghi Thuận (đoạn qua nhà thờ xứ Bình Thuận xã Nghi Thuận), huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Nghi Lộc	100,000000	0,000000	100,000000	100,000000	
31	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường giao thông nối Quốc lộ 1A đi trung tâm xã Quỳnh Trang và hồ Vực Mầu, thị xã Hoàng Mai	UBND thị xã Hoàng Mai	500,000000	0,000000	500,000000	500,000000	
32	Xây dựng 3 tuyến đường du lịch biển Quỳnh Nghĩa huyện Quỳnh Lưu	UBND huyện Quỳnh Lưu	300,000000	0,000000	300,000000	300,000000	
33	Cầu vượt lù Khe xiêm qua đường giao thông liên xã Hưng- Đồng đoạn qua xã Nghi Hưng	UBND huyện Nghi Lộc	100,000000	0,000000	100,000000	100,000000	
34	Xây dựng cầu trên tuyến đường huyện từ Nghi Mỹ đi xã Nghi Công huyện Nghi Lộc	UBND huyện Nghi Lộc	100,000000	0,000000	100,000000	100,000000	
35	Đường Nghi Lâm- Nghi Kiều nối xã Đại Sơn, Đô Lương (đoạn từ cầu Làng Trung đi Đại Sơn, huyện Đô Lương)	UBND huyện Nghi Lộc	200,000000	0,000000	200,000000	200,000000	
36	Đường giao thông Tam Hợp- Hạnh Lâm, đoạn từ Làng yên xã Môn Sơn, huyện Con Cuông đi xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn và xã Thanh Đức, huyện Thanh Chương (đoạn từ xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn đi xã Thanh Đức, huyện Thanh Chương)	UBND huyện Anh Sơn	200,000000	0,000000	200,000000	200,000000	
37	Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường do UBND huyện Diên Châu làm chủ đầu tư (Đường giao thông liên xã Diên Trường - Diên Hoàng; Đường giao thông liên xã Diên Hồng, Diên Phong, Diên Mỹ, Diên Hải; Đường 205 đoạn QL 48 - Diên Đoài)	UBND huyện Diên Châu	500,000000	0,000000	500,000000	500,000000	
38	Xây dựng tuyến đường bao phía Tây, thành phố Vinh (Đoạn từ đường Nguyễn Hiền đến đường Đặng Thai Mai)	UBND thành phố Vinh	500,000000	0,000000	500,000000	500,000000	
39	Đường giao thông dọc kênh chính từ xã Tăng Thành đi xã Liên Thành, huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	500,000000	0,000000	500,000000	500,000000	
40	Đường giao thông từ quốc lộ 46 đến chùa Đại Tuệ, xã Nam Anh, huyện Nam Đàn	UBND huyện Nam Đàn	500,000000	0,000000	500,000000	500,000000	
41	Dự án đường nối QL.48 (Nghệ An) - QL.45 (Thanh Hóa)	Sở Giao thông vận tải	500,000000	0,000000	500,000000	500,000000	
42	Dự án xây dựng đường tránh thị trấn Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Sở Giao thông vận tải	500,000000	0,000000	500,000000	500,000000	
43	Dự án xây dựng cầu Quỳnh Nghĩa tại Km6+00 trên tuyến DT537C, tỉnh Nghệ An	Sở Giao thông vận tải	500,000000	0,000000	500,000000	500,000000	
44	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ khu di tích lịch sử Quốc Gia Phan Đăng Lưu xã Hoa Thành đến tượng đài đồng chí Phan Đăng Lưu tại thị trấn Yên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Yên Thành	500,000000	0,000000	500,000000	500,000000	



TT	Dan h mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2019 kéo dài sang năm 2020			Số vốn thu hồi (cắt giảm)	Ghi chú
			Kế hoạch vốn	Giải ngân KH đến 15/11/2020	KH còn lại chưa giải ngân		
45	Xây dựng nâng cấp tuyến đường du lịch từ QL 7A đến khu du lịch sinh thái Phà Lái và nối đường đi khu du lịch Thác Kềm, huyện Con Cuông	UBND huyện Con Cuông	500,000000	0,000000	500,000000	500,000000	
46	Dự án Nâng cấp tuyến đường vào vùng nguyên liệu của dự án chăn nuôi bò sữa TH huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	500,000000	0,000000	500,000000	500,000000	
47	Nâng cấp đường giao thông vùng nguyên liệu cho dự án chế biến gỗ tại Nghệ An	UBND huyện Yên Thành	500,000000	0,000000	500,000000	500,000000	
<i>Khối ngành xã hội</i>							
48	Trường phổ thông DTNT THCS Quý Hợp, huyện Quý Hợp - giai đoạn 2	UBND huyện Quý Hợp	250,000000	0,000000	250,000000	250,000000	
49	Xây dựng mới nhà hội trường và các hạng mục phụ trợ Trường chính trị tỉnh Nghệ An	Trường chính trị tỉnh	250,000000	0,000000	250,000000	250,000000	
50	Cải tạo, nâng cấp một số hạng mục và xây dựng mới nhà học bộ môn Trường THPT Hà Huy Tập, TP Vinh	Trường THPT Hà Huy Tập	200,000000	0,000000	200,000000	200,000000	
51	Xây dựng nhà xưởng thực hành 2 tầng khoa cắt gọt kim loại và công nghệ Hàn, Trường Cao đẳng kỹ thuật Công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc	Trường Cao đẳng kỹ thuật Công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc	200,000000	0,000000	200,000000	200,000000	
52	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới Trường THPT Tương Dương 2, huyện Tương Dương	Trường THPT Tương Dương 2	250,000000	0,000000	250,000000	250,000000	
53	Dự án nhà học bộ môn 3 tầng 9 phòng Trường THPT Diễn Châu 4	Trường THPT Diễn Châu 4	200,000000	0,000000	200,000000	200,000000	
54	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới một số hạng mục Trường THPT dân tộc nội trú tỉnh	Trường THPT dân tộc nội trú tỉnh	250,000000	0,000000	250,000000	250,000000	
55	Xây dựng cơ sở vật chất Trường Đại học Y khoa Vinh cơ sở 2 (giai đoạn 2)	Trường Đại học Y khoa Vinh	1.000,000000	0,000000	1.000,000000	1.000,000000	
56	Hệ thống bãi xử lý rác thải thị trấn Anh Sơn và các vùng phụ cận, huyện Anh Sơn	UBND huyện Anh Sơn	200,000000	0,000000	200,000000	200,000000	
57	Hệ thống điện chiếu sáng trung tâm thị trấn huyện Nghĩa Đàn (Tuyến đi trung tâm xã Nghĩa Hội và tuyến nối đường Hồ Chí Minh)	UBND huyện Nghĩa Đàn	200,000000	0,000000	200,000000	200,000000	
58	Cầu vượt đường sắt Bắc Nam và đường QL1A tại nút giao đường N5	Ban Quản lý KKT Đông Nam	500,000000	0,000000	500,000000	500,000000	
59	Cầu vượt đường sắt Bắc Nam tại nút giao đường N2	Ban Quản lý KKT Đông Nam	500,000000	0,000000	500,000000	500,000000	
60	Kênh thoát nước phía Nam Khu kinh tế Đông Nam.	Ban Quản lý KKT Đông Nam	500,000000	0,000000	500,000000	500,000000	
61	Trụ sở làm việc cơ quan HĐND & UBND huyện Anh Sơn	UBND huyện Anh Sơn	200,000000	0,000000	200,000000	200,000000	
62	Trụ sở làm việc đội cảnh sát CC&CNCH số 3 phòng PC07 thuộc Công an tỉnh Nghệ An (thị xã Thái Hòa)	Công an tỉnh	250,000000	0,000000	250,000000	250,000000	
63	Đường giao thông cơ động vào sở chỉ huy điển tập KVPT tỉnh Nghệ An	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	300,000	0,000	300,000	300,000000	



TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2019 kéo dài sang năm 2020			Số vốn thu hồi (cắt giảm)	Ghi chú
			Kế hoạch vốn	Giải ngân KH đến 15/11/2020	KH còn lại chưa giải ngân		
64	Mua sắm thiết bị đo lường và thử nghiệm phục vụ công tác chuyên môn của Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng Nghệ An	Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng Nghệ An	250,000000	0,000000	250,000000	250,000000	
65	Xây dựng khoa Y dược học cổ truyền + vật lý trị liệu; khoa phẫu thuật gây mê hồi sức, khoa chẩn đoán hình ảnh; khoa kiểm soát nhiễm khuẩn và kho lưu trữ Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Chương	Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Chương	250,000000	0,000000	250,000000	250,000000	
66	Chương trình Đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn	Sở Y tế Nghệ An	2.000,000000	0,000000	2.000,000000	2.000,000000	
67	Xây mới nhà điều trị và một số hạng mục phụ trợ Trung tâm y tế huyện Tân Kỳ	Bệnh viện đa khoa huyện Tân Kỳ	250,000000	0,000000	250,000000	250,000000	
68	Xây dựng khoa nội, khoa nhi và 3 chuyên khoa, khoa sản, khoa truyền nhiễm, nhà cấp cứu nhà khoa dược, hội trường và kho lưu trữ, hệ thống xử lý nước thải, đường dây và trạm biến áp và cải tạo một số hạng mục bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành	bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành	250,000000	0,000000	250,000000	250,000000	
69	Dự án đầu tư xây dựng mới và nâng cấp: xây mới Khoa Lao kháng đa thuốc; cải tạo, nâng cấp Nhà khoa HSCC&CD, Khoa Ngoại lồng ngực, gây mê hồi sức; Khoa khám bệnh, nhà chờ cũ thành Khoa Đông Y- phục hồi chức năng và giảng đường sinh viên thực tập, Bệnh viện Phổi Nghệ An	Bệnh viện Phổi Nghệ An	250,000000	0,000000	250,000000	250,000000	
70	Xây dựng mới nhà điều trị 7 tầng và các hạng mục phụ trợ Bệnh viện y học cổ truyền Nghệ An	Bệnh viện y học cổ truyền Nghệ An	250,000000	0,000000	250,000000	250,000000	





HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - tự do - hạnh phúc

Phụ lục số 4: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẮT GIẢM, THU HỒI CHỈ TIÊU VỐN TẠI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016-2020 VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020

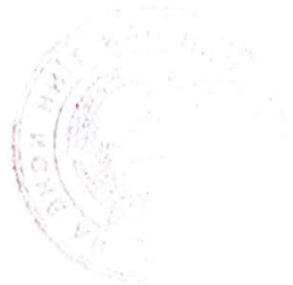
(Phụ lục kèm theo Nghị Quyết số 40/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Số vốn thu hồi (cắt giảm)	Ghi chú
			Kế hoạch vốn	Giải ngân KH đến 15/11/2020	KH còn lại chưa giải ngân		
	<b>Tổng số</b>		<b>55.890,000000</b>	<b>15.402,513840</b>	<b>40.487,486160</b>	<b>27.882,761160</b>	
	Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 (Quyết định số 5299/QĐ-UBND ngày 20/12/2019)						
	Nguồn ngân sách địa phương						
1	Nâng cấp, sửa chữa đường vào Khu tái định cư xã Quỳnh Lộc, thị xã Hoàng Mai phục vụ công tác GPMB khu CN Đồng Hội	UBND xã Quỳnh Lộc, Thị xã Hoàng Mai	3.785,000000	1.328,477000	2.456,523000	2.456,523000	
2	Bãi xử lý rác thải thị trấn Thanh Chương	UBND huyện Thanh Chương	4.905,000000	1.478,877000	3.426,123000	1.100,000000	
3	Xây dựng ô chôn lấp số 2A và 2B Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghi Yên, huyện Nghi Lộc	Cty TNHH MTV Môi trường & công trình đô thị NA	2.500,000000		2.500,000000	1.800,000000	
4	Đường giao thông liên xã Nghi Văn - Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc	UBND xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc	4.976,000000	3.351,360000	1.624,640000	825,000000	
5	Đường giao thông ĐT534 -Nghi Văn - Hồ Xuân Dương (Diễn Châu), đoạn từ xóm 5B đến xóm 23, xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc	UBND xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc	5.000,000000	1.850,000000	3.150,000000	2.350,000000	
6	Đường giao thông Hòa Thái, Hưng Hòa, thành phố Vinh nối từ đường ven sông lam đến đập Hòa Thái	UBND xã Hưng Hòa, thành phố Vinh	25.000,000000	7.021,038000	17.978,962000	10.000,000000	
7	Bệnh viện chấn thương chỉnh hình Nghệ An (giai đoạn 1)	Bệnh viện chấn thương chỉnh hình Nghệ An	1.000,000000	372,761840	627,238160	627,238160	
8	Cơ sở vật chất Trung tâm y tế huyện Đô Lương	Trung tâm y tế huyện Đô Lương	1.300,000000	0,000000	1.300,000000	1.300,000000	
9	Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc và nhà khám chữa bệnh của Trung tâm chăm sóc sức khỏe Sinh sản tỉnh Nghệ An (giai đoạn 2)	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh Nghệ An (nay là Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Nghệ An)	2.624,000000	0,000000	2.624,000000	2.624,000000	
10	Tu bổ, tôn tạo di tích nhà thờ và mộ Hồ Tùng Mậu	UBND huyện Quỳnh Lưu	4.800,000000	0,000000	4.800,000000	4.800,000000	

*Len*









**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - tự do - hạnh phúc**

**PHỤ LỤC SỐ 5: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ TRÍ VỐN TỪ NGUỒN THU HỘI CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019 KÉO DÀI SANG NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020**  
 (Phụ lục kèm theo Nghị Quyết số 40/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư		Đã bố trí vốn đến 2020		Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Kế hoạch năm 2020			Bổ sung kế hoạch trung hạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh kế hoạch 2020	Chỉ tiêu kế hoạch vốn bổ sung	Trong đó		Ghi chú	
			Tổng tại các nguồn vốn	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Trong đó: NS tỉnh		Kế hoạch vốn	Giải ngân KH đầu 15/11/2020	KH còn lại chưa giải ngân				Vốn kế hoạch 2019 kéo dài sang năm 2020	Vốn kế hoạch năm 2020		
	<b>Tổng số</b>						87.010.000	15.000.000	14.900.000	100.000	54.622.761160	141.632.761160	54.622.761160	26.740.000000	27.882.761160		
	<b>Người ngân sách địa phương</b>																
1	Đường nối từ QL1A đến cảng Đông Hội	Sở Giao thông Vận tải	229.982	229.982	225.595,0	225.595,0	4.000.000				4.387.000000	8.387.000000	4.387.000000	4.387.000000		Dự án bổ trí thành toàn nơ	
2	Dải lộ Vinh - Cửa Lò	Sở Giao thông Vận tải	619.588	439.588	591.000,0	411.000,0	17.000.000	5.000.000	5.000.000	0,000	12.231.000000	29.231.000000	12.231.000000	7.231.000000	5.000.000000		Dự án cơ tiến độ tối, đã giải ngân hết 100% KH, cần bổ sung vốn để tiếp tục thực hiện phát huy hiệu quả
3	Tuyến đường số 3 khu đô thị Hoàng Mai (giai đoạn 1)	UBND thị xã Hoàng Mai	194.225	89.214	10.000,0	10.000,0	25.000.000	2.000.000	2.000.000	0,000	2.456.523000	27.456.523000	2.456.523000	2.456.523000			Bổ trí dài tăng NSTW, Dự có KH trung hạn NSTW là 85 tỷ đồng, KH 2020 là 18.603 tỷ đồng, đã GN đạt 100%.
4	Đường từ Trung tâm huyện Thanh Chương đi vào tái định cư thùy đến Bàn Vệ, huyện Thanh Chương	UBND huyện Thanh Chương	205.000	1.100	171.943,0			5.000.000	4.900.000	100.000	1.100.000000	1.100.000000	1.100.000000	1.100.000000	1.100.000000		Dự án cơ tiến độ giải ngân tối, cần bổ sung vốn để tiếp tục thực hiện phát huy hiệu quả
5	Đường giao thông vào vùng nguyên liệu chè của Xã nghiệp chế biến dịch vụ chè Hạnh Lâm, huyện Thanh Chương	Công ty TNHH một thành viên đầu tư phát triển chè Nghệ An	39.026	23.740	15.900,0	15.900,0	15.000.000	5.000.000	4.900.000	100.000	7.840.000000	22.840.000000	7.840.000000	6.000.000000			Dự án cơ tiến độ giải ngân tối, cần bổ sung vốn để tiếp tục thực hiện phát huy hiệu quả
6	Đường giao thông vào khu vực rừng sản xuất xã Nghi Công Nam, huyện Nghi Lộc	UBND huyện Nghi Lộc	41.925	8.000	26.682,0	4.400,0					3.175.000000	3.175.000000	3.175.000000	3.175.000000			Bổ trí dài tăng NSTW, Dự án cơ KH trung hạn NSTW bổ trí 13.882 triệu đồng
7	Đường giao thông vùng nguyên liệu Khe Chua, huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	106.578	76.578	81.925,0	56.160,0	15.000.000	3.000.000	3.000.000	0,000	12.833.238160	27.833.238160	12.833.238160	7.482.000000	5.351.238160		Dự án bức xúc, có tiền để giải ngân tối
8	Dự án Đường giao thông phát triển kinh tế khu vực miền Tây Nghệ An, đoạn từ trung tâm huyện Nghĩa Đàn nơi đường Hồ Chí Minh (giai đoạn 1)	UBND huyện Nghĩa Đàn	250.000	80.000	25.000,0						5.800.000000	5.800.000000	5.800.000000	5.800.000000			Bổ trí dài tăng NSTW, Dự án cơ tình kết nối vùng Tây Bắc Nghệ An, Dự án cơ KH trung hạn NSTW là 50 tỷ đồng.
9	Đường giao thông Quỳnh Lâm - Ngọc Sơn, huyện Quỳnh Lưu	UBND huyện Quỳnh Lưu	69.616	59.224	61.318	54.424	11.010.000	0,000	0,000	0,000	4.800.000000	15.810.000000	4.800.000000	4.800.000000			Công trình bức xúc, có nhu cầu bổ sung vốn để nhanh tiến độ

